CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

Ngày 30/06/2025	6,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-9.1%**	**-**

DT thuần
Q2/25
566
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 302| 114%
YoY: ▲ 60.0| 11.9%

LN thuần
Q2/25
14.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.3| 313%
YoY: ▲ 8.49| 142%

LN sau thuế
Q2/25
13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.5| 263%
YoY: ▲ 5.09| 61.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.7%
YoY: +/-▲ 1.8%

ROE (TTM)
Q2/25
1.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

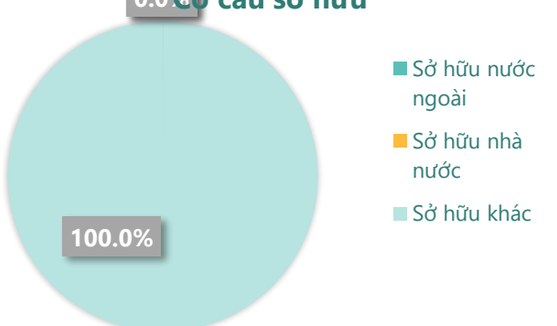
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 7,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	428
Số lượng CPLH (CP)	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,940
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.07
EPS	139
P/E	43.3

DT thuần
6T 2025
830
tỷ VNĐ
YoY: ▼150| -15.3%

LN thuần
6T 2025
7.72
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.17| 117%

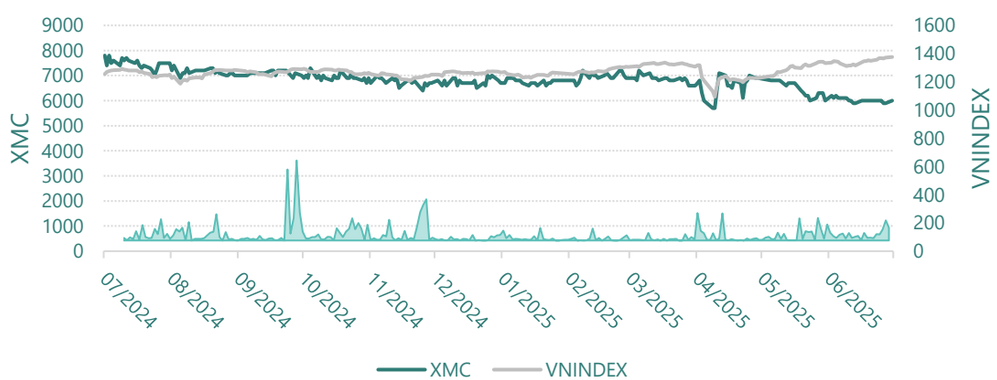
LN sau thuế
6T 2025
5.12
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.43| 90.2%

Cơ cấu sở hữu

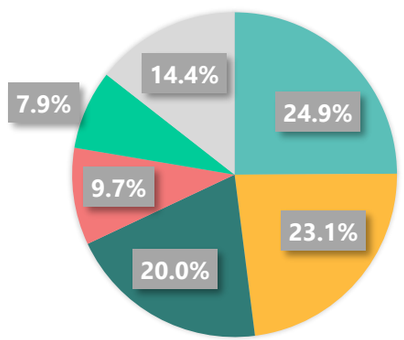


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

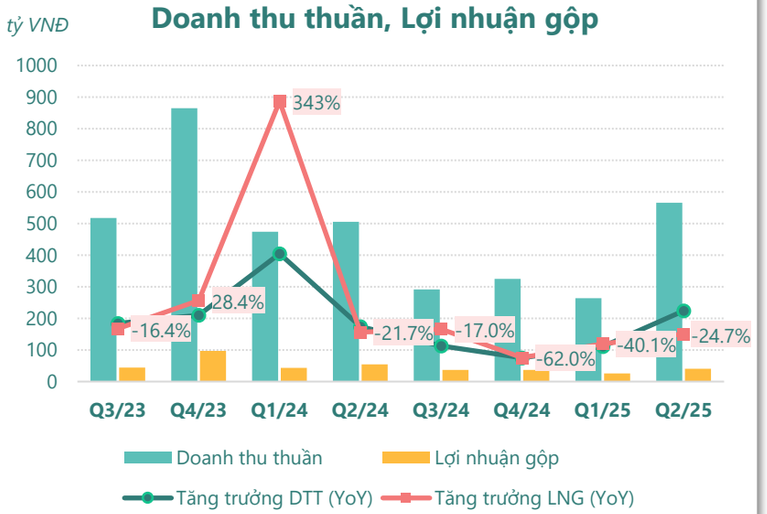


- Nguyễn Minh Trang
- Đinh Thị Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Bùi Khắc Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phương Lan
- Nguyễn Thị Thu Huyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

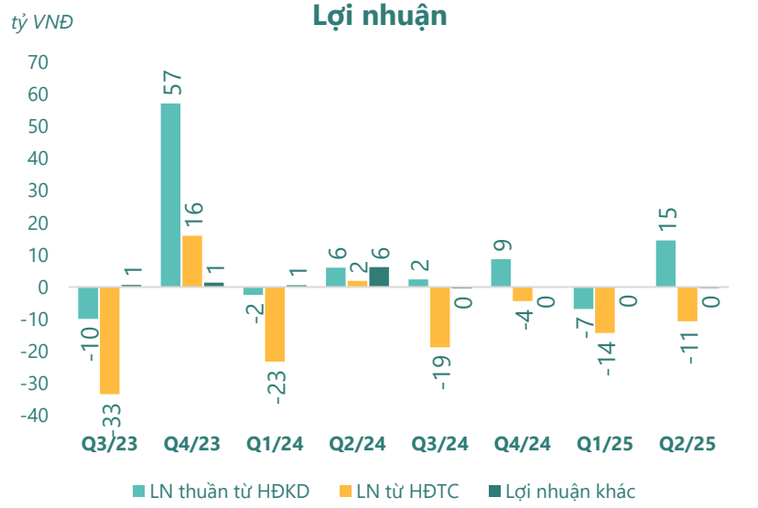
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



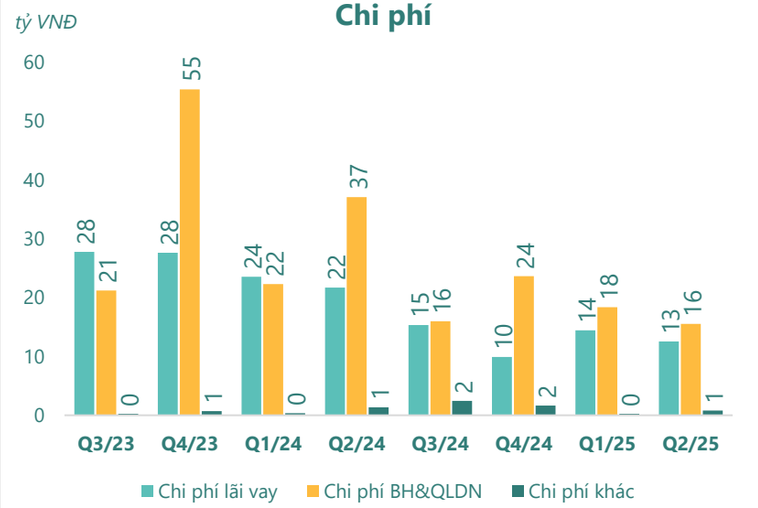
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



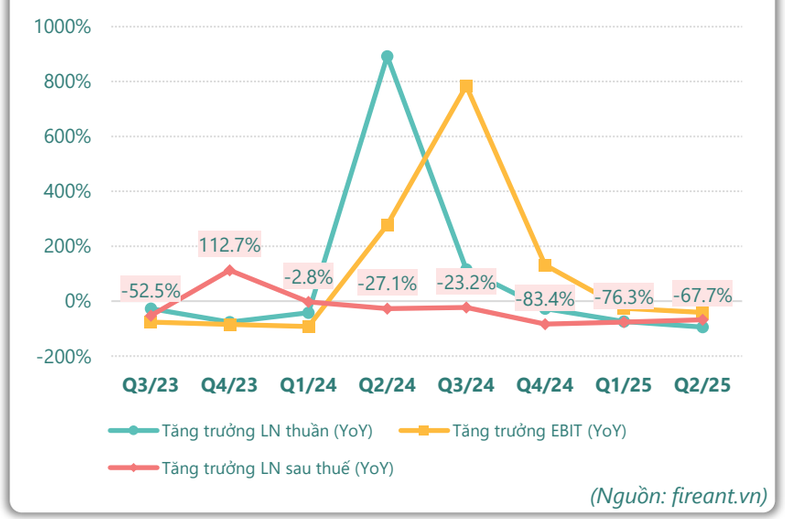
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



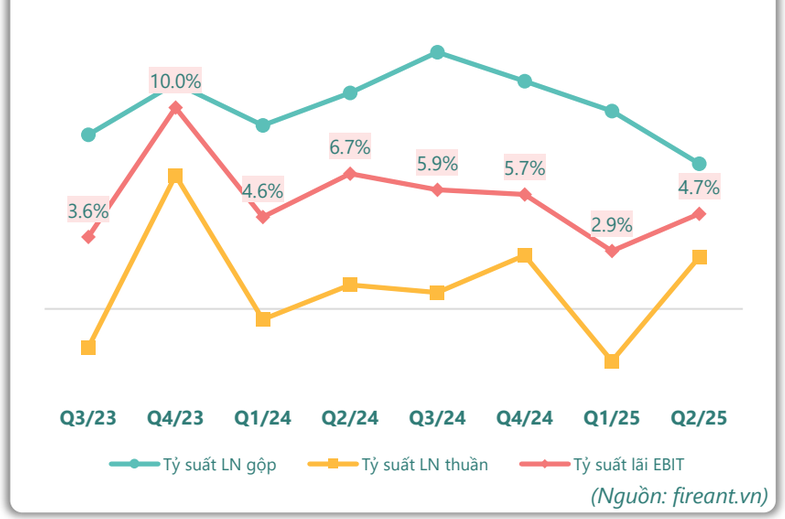
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



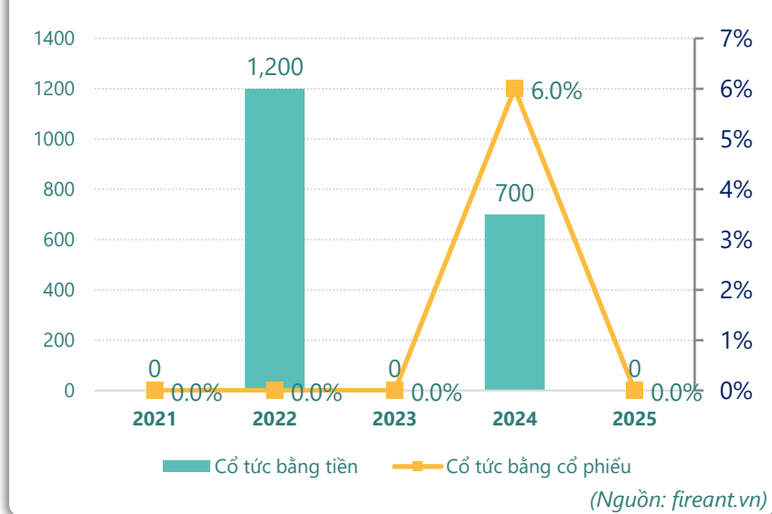
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

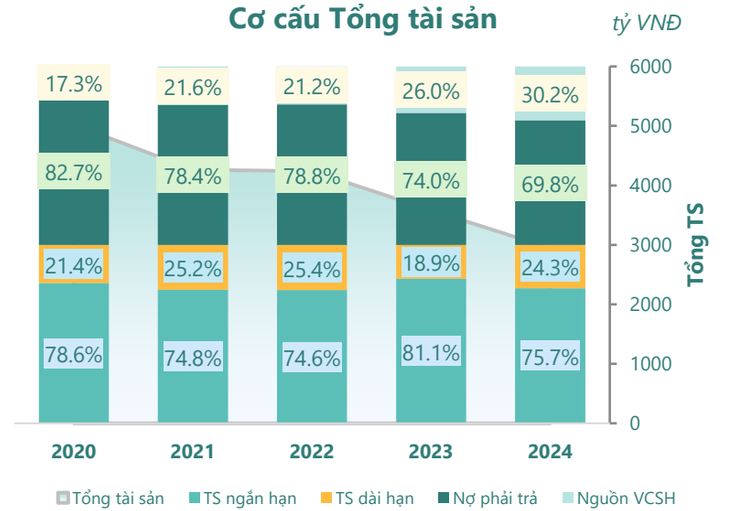
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

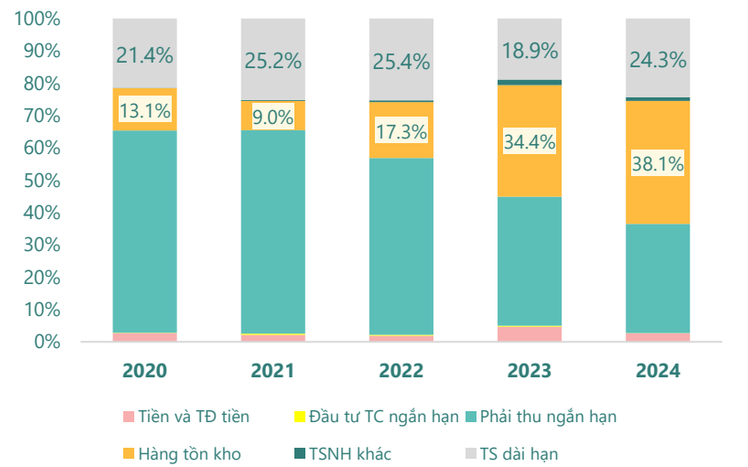
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



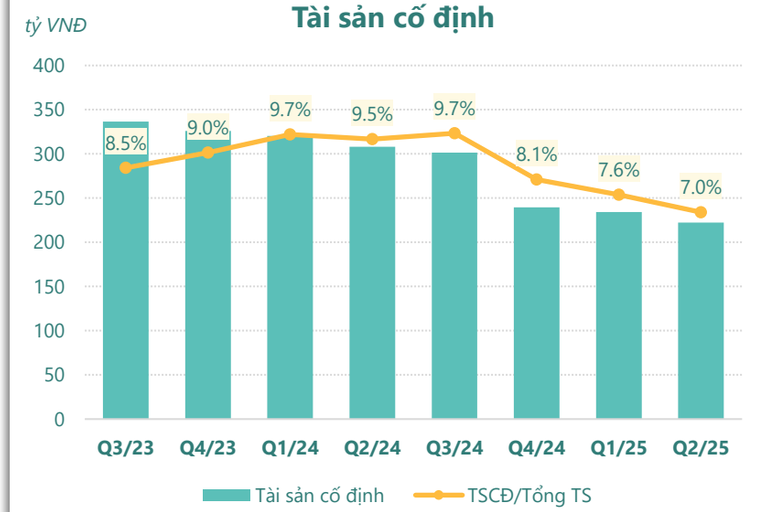
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



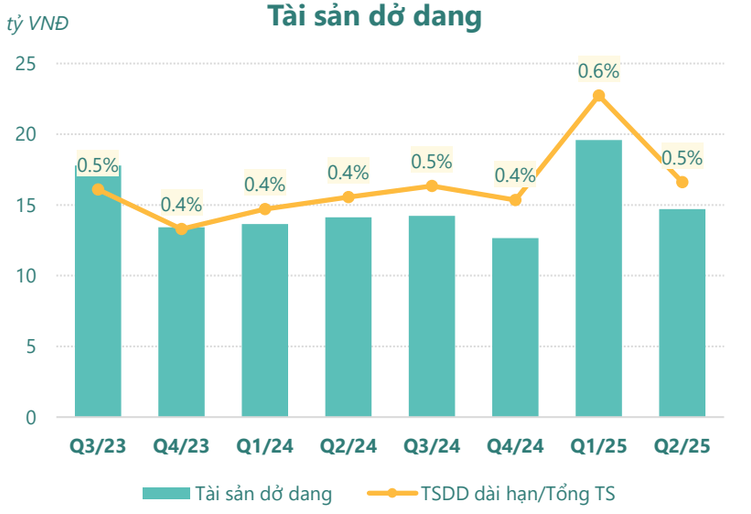
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



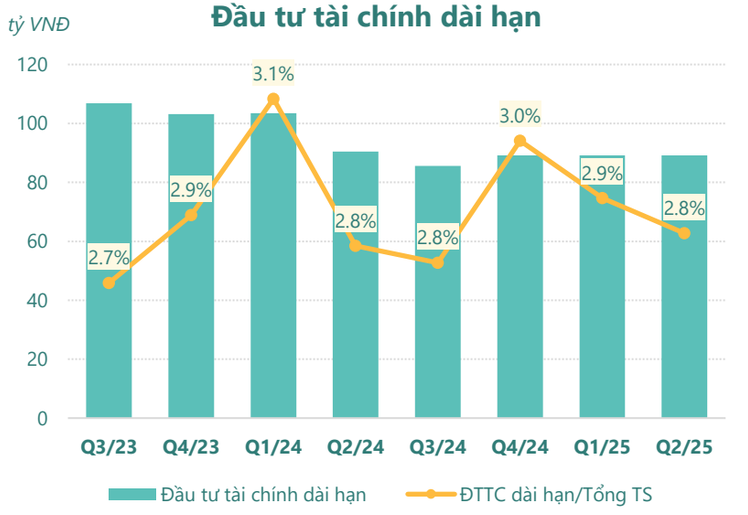
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



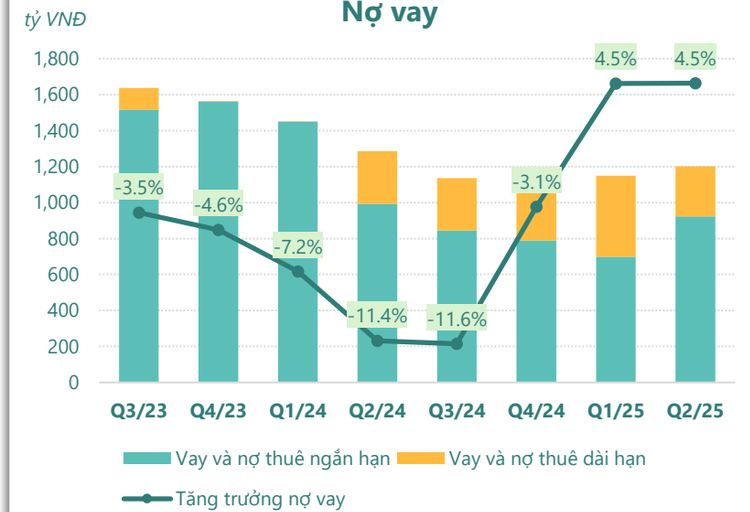
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

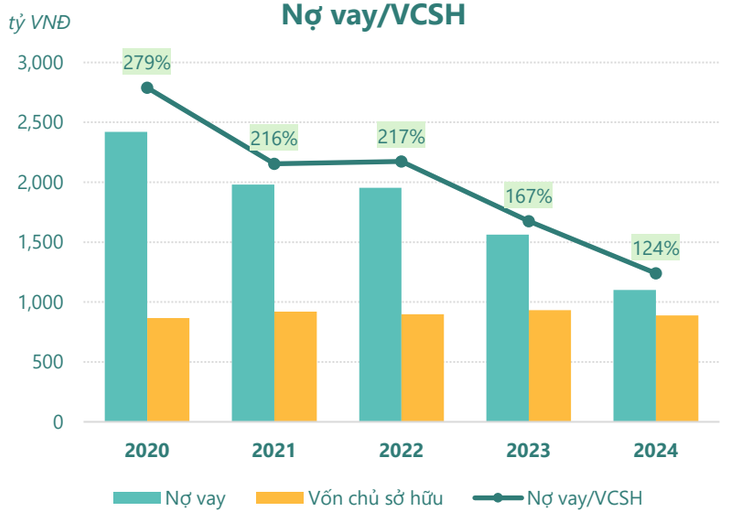
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

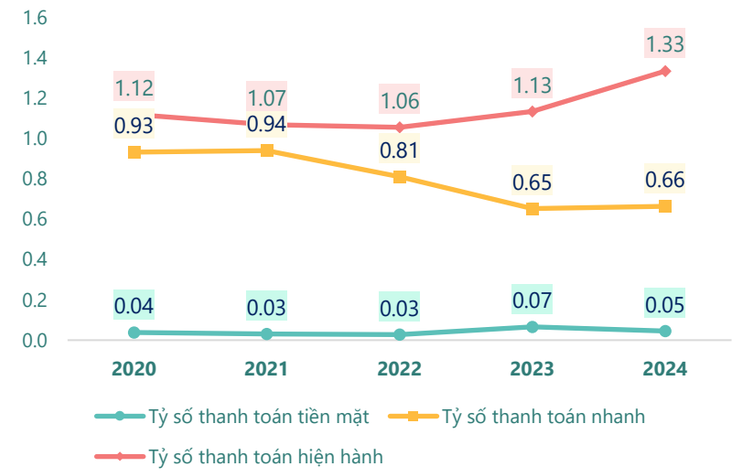
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



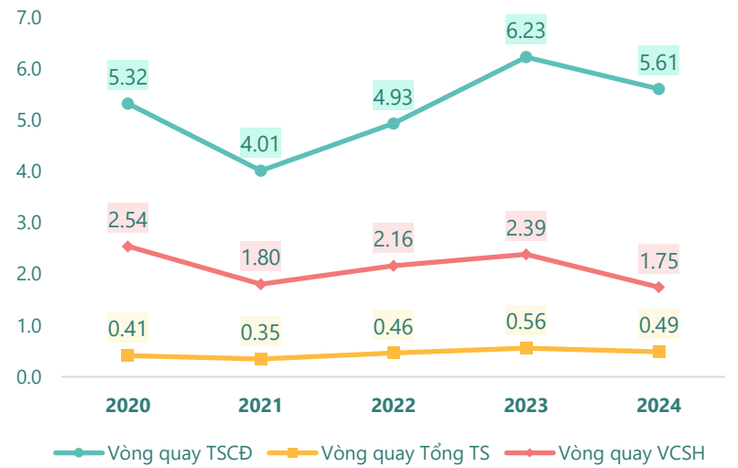
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



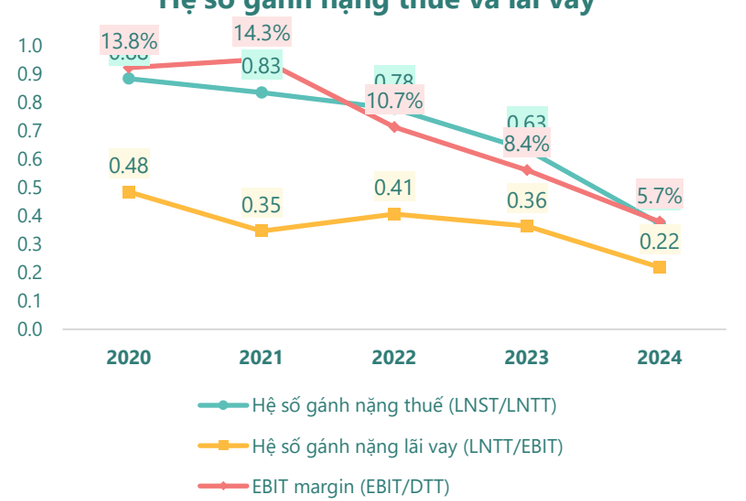
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



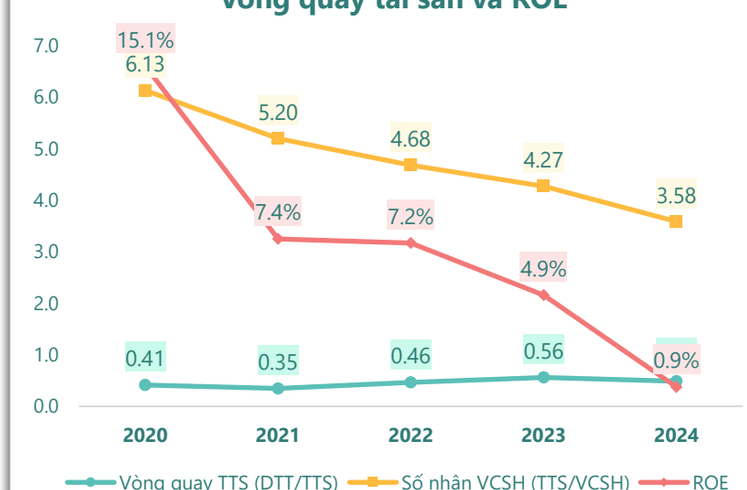
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



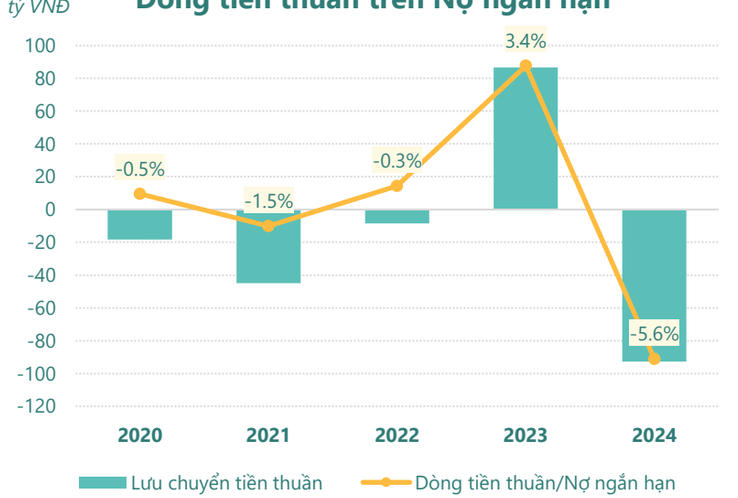
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**566**	**506**	**11.9%**	**830**	**980**	**-15.3%**
Giá vốn hàng bán	525	451	16.5%	763	882	-13.5%
Lợi nhuận gộp	40.8	54.2	-24.8%	66.6	97.4	-31.6%
Doanh thu HĐTC	4.93	23.7	-79.2%	5.05	24.0	-79.0%
Chi phí TC	15.6	21.8	-28.3%	30.1	45.4	-33.8%
Chi phí lãi vay	12.6	21.7	-42.1%	27.0	45.3	-40.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-13.0**	**100%**	**0**	**-13.0**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.57	0.69	-17.4%	1.36	1.28	6.0%
Chi phí QLDN	**15.0**	**36.4**	**-58.8%**	**32.6**	**58.2**	**-44.0%**
LN thuần từ HĐKD	14.5	6.01	142%	7.72	3.55	117%
Lợi nhuận khác	**-0.39**	**6.20**	**-106%**	**-0.43**	**6.70**	**-106%**
LN trước thuế	14.2	12.2	16.1%	7.28	10.3	-28.9%
Lợi nhuận sau thuế	**13.3**	**8.21**	**61.8%**	**5.12**	**2.69**	**90.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.6**	**8.25**	**53.2%**	**4.58**	**2.98**	**54.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.7	305	-14.7	44.6	-34.1	-29.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.13	29.8	-2.72	6.27	-9.18	-9.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-160	-168	-151	-35.7	29.7	47.4
Tiền đầu kỳ	169	56.4	223	55.1	76.3	62.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-113**	**167**	**-168**	**15.1**	**-13.5**	**8.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	-0.01	0	0.03
Tiền cuối kỳ	56.4	223	55.1	70.3	62.8	71.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,165**	**2,944**	**7.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,111	2,229	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	71.3	76.3	-6.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.54	4.04	111%
Phải thu ngắn hạn	1,091	993	9.9%
Hàng tồn kho	905	1,120	-19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	34.4	35.1	-2.0%
Tài sản dài hạn	**1,054**	**715**	**47.5%**
Phải thu dài hạn	166	116	43.2%
Tài sản cố định	222	239	-6.9%
Bất động sản đầu tư	543	243	124%
Tài sản dở dang	14.7	12.7	16.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.2	89.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**19.1**	**15.9**	**20.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,275	2,056	10.6%
Nợ ngắn hạn	**1,923**	**1,671**	**15.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	922	789	16.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	467	416	12.1%
Nợ dài hạn	352	385	-8.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	279	311	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**890**	**888**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**890**	**888**	**0.3%**
Vốn điều lệ	714	714	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)